

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Dung.
2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lai Minh P, sinh năm 2000.
Số căn cước công dân 075300013421 cấp ngày 07/9/2022.
Thường trú: Số nhà C, phố A, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1990.
Số căn cước công dân 075090003999 cấp ngày 13/9/2022.
Thường trú: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Số D, tổ I, ấp H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.
(Chị P và anh H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lai Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 26/7/2018. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, bỏ bê con cái. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/9/2015 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 20/7/2021. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì chị bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề khác.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh H đúng theo quy định pháp luật nhưng anh H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đời sống chung của vợ chồng chị P, anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xem xét, giải quyết cho chị P được ly hôn với anh H.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cả hai con chung cho chị P tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh H vì các bên không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Minh H có địa chỉ thường trú tại xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lai Minh P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về luật áp dụng: Chị Lai Minh P và anh Nguyễn Minh H đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2018 ngày 26/7/2018 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lai Minh P và anh Nguyễn Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2018 ngày 26/7/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị P xin ly hôn vì lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, bỏ bê con cái. Anh H đã được triệu tập đến Tòa án để hòa giải, đoàn tụ nhưng không đến. Xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị P, anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị P, anh H thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Lai Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/9/2015 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 20/7/2021. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không nộp văn bản trình bày ý kiến về nuôi con và

cấp dưỡng nuôi con, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về khả năng, điều kiện nuôi con. Cháu H1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xác minh tại địa phương thể hiện anh H không có việc làm ổn định, không có thu nhập, sức khỏe yếu. Do đó giao con chung cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Mục 1 Chương V Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lai Minh P phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lai Minh P được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/9/2015 và Nguyễn Minh H2, sinh ngày 20/7/2021. Giao cả hai con chung cho chị P1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lai Minh P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0011860 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Chị Lai Minh P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lai Minh P và anh Nguyễn Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND KV7-Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự KV7-Đồng Nai;
- UBND xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 87/2018 ngày 26/7/2018);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái